

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 10/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 23/3/2018

V/v “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Ông Võ Tấn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh: Không tham gia

Ngày 23/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 243/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Quang D** - sinh năm: 1988 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp K57, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1990

Địa chỉ: Ấp K57, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Quang D trình bày: Ông D và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện sống chung từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L. Trước khi sống chung có tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với cha mẹ của ông D tại ấp K57, xã L, huyện L. Vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, hay cãi nhau; bà Đ mang con đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình nên vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy không thể trở lại sống chung được nữa nên ông D xin ly hôn với bà Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đ có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử, nhưng tại bản tự khai ngày 08/12/2017 bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như ông D trình bày. Nay nhận thấy vợ chồng không thể trở lại sống chung được nữa nên bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung:

Ông D và bà Đ có 01 con chung tên: Nguyễn Thị Ngọc Á - sinh ngày 24/6/2013, con đang sống với bà Đ. Khi ly hôn, ông D và bà Đ thống nhất để bà Đ tiếp tục nuôi con. Ngoài ra vợ chồng không nhận ai làm con nuôi và hiện tại bà Đ không có thai với ông D.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quang D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện L giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Đ có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đ có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa xét xử. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị Đ phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường cãi nhau và đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nay ông D xin ly hôn với bà Đ và bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông D. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông D và bà Đ.

Về con chung:

Ông D và bà Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Á - sinh ngày 24/6/2013, con đang sống chung với bà Đ. Khi ly hôn ông D và bà Đ thống nhất để bà Đ nuôi con. Vì vậy nghĩ nên giao cháu Á cho bà Đ nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có, nên Hội đồng xét xử không giải quyết .

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, ông D phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quang D và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Bà Đ nuôi con tên Nguyễn Thị Ngọc Á - sinh ngày 24/6/2013. Bà Đ không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ: Không có.
5. Về án phí: Ông D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014864 ngày 03 tháng 10 năm 2017.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự
- THADS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kiều Chinh